

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước năm 2016, tỉnh Bình Phước.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2016, như sau:

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 là: 1.838.119 triệu đồng, tăng 445.271 triệu đồng so với Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm:

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung tập trung: 1.734.372 triệu đồng.

- Vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia: 103.747 triệu đồng.

Trong đó, cụ thể các nguồn tăng như sau:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung tăng: 341.524 triệu đồng.

a) Vốn đầu tư trong cân đối: 136.121 triệu đồng.

Trong đó:

- Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016: 6.561 triệu đồng.

- Nguồn Quỹ phát triển đất (vốn bố trí cho dự án khu dân cư Phú Thịnh): 46.000 triệu đồng.

- Nguồn vượt thu năm 2015: 83.560 triệu đồng.

b) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 91.660 triệu đồng.

- Kế hoạch điều chỉnh tăng so với dự toán đầu năm: 89.850 triệu đồng.

Trong đó:

+ Tăng ngân sách tỉnh quản lý (ghi thu - ghi chi): 22.950 triệu đồng.

+ Tăng ngân sách huyện quản lý: 66.900 triệu đồng.

- Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016: 1.810 triệu đồng.
- c). Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 34.975 triệu đồng.
- Kế hoạch điều chỉnh tăng so với dự toán đầu năm: 2.500 triệu đồng.
- Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016: 32.475 triệu đồng.
- d) Đầu tư theo các Chương trình mục tiêu: 71.325 triệu đồng.
- Nguồn bổ sung cho các chương trình: 43.460 triệu đồng.

(Bao gồm: Chương trình định canh, định cư theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg: 11.060 triệu đồng; bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quyết định số 33/2007/QĐ-TTg: 25.000 triệu đồng; hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân 2015 - 2016: 7.400 triệu đồng).

- Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016: 27.865 triệu đồng.
- e) Vốn vay chương trình kiên cố hóa kênh mương: 7.080 triệu đồng.
- Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016: 7.080 triệu đồng.
- f) Vốn nước ngoài (ODA): 363 triệu đồng.
- Vốn năm 2015 chuyển sang năm 2016: 363 triệu đồng.

2. Vốn các Chương trình mục tiêu Quốc Gia tăng: 103.747 triệu đồng.

Bao gồm:

- a) Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016: 71.800 triệu đồng.

Trong đó: Vốn trái phiếu Chính phủ: 44.000 triệu đồng.

- b) Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: 31.947 triệu đồng.

(Kèm theo biểu chi tiết nguồn vốn)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB);
- TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐTPT NGUỒN NSNN NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH NĂM 2016		
		TW giao	Nghị quyết của HĐND tỉnh đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016
	TỔNG CỘNG	1.238.265	1.392.848	1.838.119
I	Vốn XDCB tập trung	1.134.518	1.392.848	1.734.372
1	Vốn đầu tư trong cân đối	434.400	434.400	570.521
a	Giao đầu năm	434.400	434.400	434.400
b	Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016			6.561
c	Nguồn Quỹ Phát triển đất (vốn bố trí cho dự án khu dân cư Phú Thịnh)			46.000
d	Nguồn vượt thu năm 2015			83.560
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	300.000	277.790	369.450
a	Giao đầu năm	300.000	277.790	277.790
b	Điều chỉnh tăng so với dự toán đầu năm			89.850
	Trong đó:			
-	Tăng ngân sách tỉnh quản lý (ghi thu-ghi chi)			22.950
-	Tăng ngân sách huyện quản lý			66.900
c	Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016			1.810
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	324.000	358.975
a	Giao đầu năm		324.000	324.000
b	Điều chỉnh tăng so với dự toán đầu năm			2.500
c	Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016			32.475
4	Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu NSTW	366.118	322.658	393.983
a	Giao đầu năm	322.658	322.658	322.658
b	Bổ sung cho các chương trình	43.460	-	43.460
-	Chương trình ĐCĐC theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ	11.060		11.060
-	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ	25.000		25.000
-	Hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2015-2016	7.400		7.400
c	Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016			27.865
5	Vốn vay KCH kênh mương			7.080
	Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016			7.080
6	Vốn nước ngoài (ODA)	34.000	34.000	34.363
a	Dự án cấp nước thị xã Đồng Xoài	14.000	14.000	14.000
b	Dự án thoát nước thị xã Đồng Xoài	20.000	20.000	20.000
c	Chương trình bảo đảm chất lượng GD trường học SEQAP (Vốn năm 2015 chuyển sang)			363
II	Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia	103.747	-	103.747
1	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	71.800		71.800
	Trong đó: Vốn trái phiếu Chính phủ	44.000		44.000
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	31.947		31.947

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN XDCB TẬP TRUNG NĂM 2016
(Kèm theo Nghị Quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	 DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG (A+B)	1.392.848	1.734.372	570.521	369.450	358.975	393.983	7.080	34.363	
A	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	1.012.608	1.277.232	384.521	98.310	358.975	393.983	7.080	34.363	
A2	TRẢ NỢ VAY	120.400	120.400	120.400	-	-	-	-	-	
1	Vay Chương trình KCH kênh mương, GTNT	120.400	120.400	120.400						
A3	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	24.910	24.910			24.910				
A4	VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN	869.998	1.131.922	264.121	98.310	334.065	393.983	7.080	34.363	
1	NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN	26.360	39.441	36.360	-	-	-	3.081	-	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>6.360</i>	<i>19.441</i>	<i>16.360</i>	-	-	-	<i>3.081</i>	-	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (đối ứng với NSTW)	6.360	6.360	6.360						Sở NN&PTNT
2	Kênh tiêu thoát nước suối Cầu Trắng, phường Phú Đức, thị xã Bình Long (giai đoạn 1 và 2)		1.241					1.241		UBND thị xã Bình Long
3	Hệ thống Kênh tưới thuộc ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh		1.123					1.123		UBND huyện Lộc Ninh
4	Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài		279					279		Sở NN&PTNT
5	Hồ chứa nước Sơn Lợi		438					438		Sở NN&PTNT
6	Thanh toán kinh phí mua xi măng các công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới		10.000	10.000	-	-	-	-	-	
a	Huyện Lộc Ninh		2.290	2.290						
b	Huyện Chơn Thành		1.210	1.210						

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
c	Huyện Hớn Quản		2.210	2.210						
d	Huyện Bù Đốp		1.050	1.050						
e	Huyện Bù Đăng		1.990	1.990						
f	Huyện Đồng Phú		1.250	1.250						
	Công trình khởi công mới	20.000	20.000	20.000	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)	5.000	5.000	5.000						
2	Dự án đầu tư trồng cao su tạo quỹ phục vụ dự án bảo tồn khu căn cứ Bộ chỉ huy miền Tà Thiết, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giai đoạn I	15.000	15.000	15.000						Sở VH TT&DL
II	CÔNG NGHIỆP	-	1.700	1.700						
	Công trình khởi công mới	-	1.700	1.700	-	-	-	-	-	
1	Xây dựng đường điện vào nhà máy xi măng Minh Tâm		1.700	1.700						Sở Công thương
III	GIAO THÔNG - VẬN TẢI	55.473	109.700	65.418	1.810	38.473	-	3.999	-	
	Công trình chuyển tiếp	55.473	62.276	20.494	1.810	35.973	-	3.999	-	
1	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư- Chiu Riu và Lộc Thiện- Tà Nốt) đoạn 2 tuyến Lộc Thiện - Tà Nốt (đối ứng NSTW)	3.500	3.500	3.500						Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh
2	Láng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	2.000	2.000	2.000						UBND thị xã Bình Long
3	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài	4.000	4.000	4.000						Ban Quản lý Khu kinh tế

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài Gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh (TTKL hoàn thành)	10.000	10.000	10.000						Sở Giao thông Vận tải
5	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình sau thi công dự án BT đường Lộc Tấn-Bù Đốp		477	477						Sở Giao thông Vận tải
6	Xây dựng cầu treo Phước Cát, huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng (vốn góp của tỉnh Bình Phước vào dự án do tỉnh Lâm Đồng thực hiện)		517	517						Sở Giao thông Vận tải
7	Đường vào trung tâm xã Thanh An huyện Hớn Quản (đối ứng NSTW)	3.173	3.173			3.173				UBND huyện Hớn Quản
8	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	6.800	6.800			6.800				Sở Xây dựng
9	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn quản (đối ứng NSTW)	10.000	10.000			10.000				UBND huyện Hớn Quản
10	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua huyện Lộc Ninh	16.000	16.000			16.000				Sở Giao thông Vận tải
11	Xây dựng cầu Đak Lung 2		1.983					1.983		Sở Giao thông Vận tải
12	Đường vào xã Long Hà , huyện Bù Gia Mập		118					118		Sở Giao thông Vận tải
13	Đường vào xã Lộc Phú , huyện Lộc Ninh		53					53		Sở Giao thông Vận tải
14	Đường tránh các điểm đen trên ĐT 741 tại khu vực Nhà máy thủy điện Thác Mơ		100					100		Sở Giao thông Vận tải

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Xây dựng 02 cầu tại Km0+789 và Km1+102 đường từ ngã ba Xa trạch Thanh Bình đến Trung tâm xã Phước An, huyện Hớn Quản		1.421					1.421		UBND huyện Hớn Quản
16	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản		324					324		UBND huyện Hớn Quản
17	Đường vào trung tâm xã Tân Hòa - huyện Đồng Phú		545		545					Sở GT-VT
18	Đường vào trung tâm xã Tân Lợi - huyện Đồng Phú		1.265		1.265					UBND huyện Đồng Phú
	Công trình khởi công mới	-	47.424	44.924	-	2.500	-	-	-	
1	Xây dựng hoàn thiện đường D10, khu dân cư Phú Thịnh, P. tân Phú, TX Đồng Xoài		1.500			1.500				Sở Xây dựng
2	Xây dựng kết nối đường Bùi Thị Xuân hiện hữu với đường Bù Thị Xuân đoạn qua khu dân cư Phú Thịnh, P. tân Phú, TX Đồng Xoài		1.000			1.000				Sở Xây dựng
3	Xây dựng đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đồng Phú		10.000	10.000						UBND huyện Đồng Phú
4	Xây dựng đường liên xã Minh Thành đi An Long, huyện Chơn Thành		5.000	5.000						UBND huyện Chơn Thành
5	Xây dựng đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng		5.000	5.000						UBND huyện Phú Riềng
6	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Chơn Thành		5.860	5.860						UBND huyện Hớn Quản
7	Sửa chữa đường trục chính KCN Chơn Thành		11.000	11.000						Ban Quản lý Khu kinh tế
8	Xây dựng đường giao thông liên xã Lộc Hưng-Lộc Điền-Lộc Thái (huyện Lộc Ninh)		5.000	5.000						UBND huyện Lộc Ninh

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - tiểu dự án tỉnh Bình Phước (Vốn đối ứng ODA)		3.064	3.064						Sở Kế hoạch và Đầu tư
IV	HA TÀNG ĐÔ THỊ	40.917	89.420	53.503	-	35.917	-	-	-	
	Công trình chuyển tiếp	34.717	37.220	7.503	-	29.717	-	-	-	
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm (đối ứng vốn ODA)	14.717	14.717			14.717				Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BP
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm (đối ứng vốn ODA)	15.000	15.000			15.000				Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BP
3	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	5.000	7.503	7.503						Sở Công thương
	Công trình khởi công mới	6.200	52.200	46.000	-	6.200	-	-	-	
1	Vốn đối ứng Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	3.500	3.500			3.500				Sở Giao thông Vận tải
2	Vốn đối ứng các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viên trên địa bàn tỉnh	2.700	2.700			2.700				Sở Y tế
2.1	Dự án xử lý chất thải bệnh viên đa khoa thị xã Bình Long	730	730			730				
2.2	Dự án xử lý nước thải bệnh viên đa khoa tỉnh Bình Phước	671	671			671				
2.3	Dự án xử lý chất thải bệnh viên đa khoa thị xã Phước Long	683	683			683				

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2.4	Dự án xử lý chất thải bệnh viên đa khoa tỉnh Bình Phước	616	616			616				
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 1)		46.000	46.000						Sở Xây dựng
V	Y TẾ	26.500	40.176	-	-	40.176	-	-	-	
	Công trình chuyển tiếp	26.500	40.176	-	-	40.176	-	-	-	
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)	7.000	7.000			7.000				UBND huyện Bù Gia Mập
2	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (đối ứng NSTW)	8.000	14.000			14.000				Bệnh viện Y học cổ truyền
3	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC; cải tạo mái tôn khoa dược, khoa lão, khoa cán bộ cao cấp; Sơn tường, chống thấm sê nô hành lang cầu nối Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.500	1.500			1.500				Bệnh viện Đa khoa tỉnh
4	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	10.000	17.676			17.676				UBND huyện Hớn Quản
VI	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	118.000	128.999	-	-	128.999	-	-	-	
	Công trình chuyển tiếp	107.000	111.999	-	-	111.999	-	-	-	
1	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long		699			699				UBND thị xã Bình Long
2	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	5.000	5.000			5.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Trường mầm non Hoa Lan, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài	5.000	5.000			5.000				UBND thị xã Đồng Xoài
4	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	2.000	2.000			2.000				Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Xây dựng khối nhà học Trường Chính trị tỉnh	1.000	1.000			1.000				Trường Chính trị tỉnh
6	Trường MN An Khương, xã An Khương, huyện Hớn Quản	9.000	9.000			9.000				UBND huyện Hớn Quản
7	Trường MN Tân Khai B, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản		800			800				UBND huyện Hớn Quản
8	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	13.000	13.000			13.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Xây dựng Trường THPT Đa Kia, huyện Bù Gia Mập	10.000	10.000			10.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	10.000	10.000			10.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	10.000	12.200			12.200				UBND huyện Lộc Ninh
12	Trường Mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	8.000	8.900			8.900				UBND huyện Bù Đăng
13	Trường Mầm non Thanh Bình, huyện Bù Đốp		400			400				UBND huyện Bù Đốp
14	Trường Mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	7.000	7.000			7.000				UBND huyện Đồng Phú
15	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	10.000	10.000			10.000				UBND huyện Chơn Thành
16	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	5.000	5.000			5.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
17	Trường Dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	12.000	12.000			12.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
	Công trình khởi công mới	11.000	17.000	-	-	17.000	-	-	-	
1	Trường tiểu học xã Thuận Phú huyện Đồng Phú		3.000			3.000				UBND huyện Đồng Phú
2	Trường Mầm non xã Bù Nho huyện Phú Riềng		3.000			3.000				UBND huyện Phú Riềng
3	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	7.000	7.000			7.000				Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Mở rộng Ký túc xá Trường PTDTNT tỉnh	4.000	4.000			4.000				Sở Giáo dục và Đào tạo
VII	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	20.000	20.000	8.000	-	12.000	-	-	-	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>8.000</i>	-	<i>12.000</i>	-	-	-	
1	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	6.000	6.000	6.000						Sở Khoa học và Công nghệ
2	Đầu tư trang thiết bị mô hình bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch	2.000	2.000	2.000						Sở Khoa học và Công nghệ
3	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	9.000	9.000			9.000				Sở Khoa học và Công nghệ
4	Mua sắm trang thiết bị phòng học ngoại ngữ tương tác và thực hành đa phương tiện Trường THPT chuyên Bình Long	3.000	3.000			3.000				UBND thị xã Bình Long
VIII	VĂN HÓA - XÃ HỘI	29.300	57.100	49.300	-	7.800	-	-	-	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>29.300</i>	<i>37.100</i>	<i>29.300</i>	-	<i>7.800</i>	-	-	-	
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	27.800	27.800	27.800						Sở VH TT&DL
2	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	1.500	1.500	1.500						Sở LĐTB&XH
3	Đường vành đai khu A thuộc dự án Phim trường kết hợp với khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch		7.800			7.800				Đài PTTH tỉnh
	<i>Công trình khởi công mới</i>	-	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	-	-	-	-	-	
1	Xây dựng khu đón tiếp khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết		15.000	15.000						Sở VH TT&DL

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước		5.000	5.000						Đài PTTH tỉnh
IX	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	34.440	34.440	34.440	-	-	-	-	-	
	Công trình chuyển tiếp	15.240	15.240	15.240	-	-	-	-	-	
1	Trụ sở Đảng ủy khối Doanh nghiệp	2.000	2.000	2.000						Đảng ủy Khối doanh nghiệp
2	Hỗ trợ xây dựng nhà làm việc khối Đoàn thể huyện Hớn Quản	6.000	6.000	6.000						UBND huyện Hớn Quản
3	Trụ sở trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	5.000	5.000	5.000						Trung tâm XTĐTTM&DL
4	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	2.240	2.240	2.240						Trung tâm phát triển quỹ đất
	Công trình khởi công mới	19.200	19.200	19.200	-	-	-	-	-	
1	Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ tỉnh	7.000	7.000	7.000						Sở Ngoại vụ
2	Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bình Phước (Đối ứng NSTW)	3.600	3.600	3.600						Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng (Sở Xây dựng)
3	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	7.000	7.000	7.000						Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân
4	Văn phòng Trung tâm khai thác hạ tầng Khu công nghiệp tại KCN Đồng Xoài I	1.600	1.600	1.600						Trung tâm Khai thác hạ tầng KCN trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế
X	QUỐC PHÒNG - AN NINH	15.400	15.400	15.400	-	-	-	-	-	
	Công trình chuyển tiếp	4.500	4.500	4.500	-	-	-	-	-	
1	Doanh trại đội K72 (giai đoạn 2)	4.500	4.500	4.500						Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
	Công trình khởi công mới	10.900	10.900	10.900	-	-	-	-	-	
1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7.000	7.000	7.000						Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó					Vốn nước ngoài (ODA)	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Nhà khách Công an tỉnh	3.900	3.900	3.900						Công an tỉnh
XI	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo, xã bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg	10.000	10.000	-	-	10.000	-		-	
	- Huyện Bù Đăng	2.500	2.500			2.500				UBND huyện Bù Đăng
	- Huyện Bù Đốp	1.200	1.200			1.200				UBND huyện Bù Đốp
	- Huyện Bù Gia Mập	800	800			800				UBND huyện Bù Gia Mập
	- Huyện Đồng Phú	1.000	1.000			1.000				UBND huyện Đồng Phú
	- Huyện Hớn Quản	2.000	2.000			2.000				UBND huyện Hớn Quản
	- Huyện Phú Riềng	500	500			500				UBND huyện Phú Riềng
	- Huyện Lộc Ninh	2.000	2.000			2.000				UBND huyện Lộc Ninh
	XII	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)	7.500	7.500			7.500			
	- Huyện Lộc Ninh	3.500	3.500			3.500				
	- Huyện Bù Đốp	3.000	3.000			3.000				
	- Huyện Bù Gia Mập	1.000	1.000			1.000				
XIII	THANH TOÁN NỢ ĐONG XDCB	53.200	53.200			53.200				Có danh mục chi tiết kèm theo
XIV	HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU TỪ NSTW	322.658	393.983				393.983			Có danh mục chi tiết kèm theo
XV	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	34.000	34.363	-	-	-	-		34.363	
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm	14.000	14.000						14.000	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BP

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó					Vốn nước ngoài (ODA)	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm	20.000	20.000						20.000	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BP
3	Chương trình bảo đảm chất lượng GD trường học (SEQAP)		363						363	
	- Huyện Lộc Ninh		363						363	UBND huyện Lộc Ninh
XVI	<u>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT (GHI THU, GHI CHI)</u>	73.550	96.500		96.500					
B	<u>VỐN PHÂN CẤP HUYỆN - THỊ</u>	380.240	457.140	186.000	271.140	-	-		-	
I	<u>THỊ XÃ ĐỒNG XÒAI</u>	44.800	55.200	17.200	38.000					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.200	17.200	17.200						
b	Tiền sử dụng đất	27.600	38.000		38.000					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	7.000	7.000							
II	<u>THỊ XÃ BÌNH LONG</u>	24.600	28.200	15.600	12.600					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.600	15.600	15.600						
b	Tiền sử dụng đất	9.000	12.600		12.600					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	5.000	5.000							
III	<u>THỊ XÃ PHƯỚC LONG</u>	95.000	138.000	14.000	124.000					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	14.000	14.000	14.000						
b	Tiền sử dụng đất	81.000	124.000		124.000					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	7.000	7.000							
IV	HUYỆN ĐỒNG PHÚ	28.300	29.500	16.300	13.200					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.300	16.300	16.300						
b	Tiền sử dụng đất	12.000	13.200		13.200					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	6.000	6.000							
V	HUYỆN BÙ ĐĂNG	28.000	31.600	18.400	13.200					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	18.400	18.400	18.400						
b	Tiền sử dụng đất	9.600	13.200		13.200					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	6.000	6.000							
VI	HUYỆN BÙ GIA MẬP	23.200	24.400	16.000	8.400					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.000	16.000	16.000						
b	Tiền sử dụng đất	7.200	8.400		8.400					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	4.500	4.500							
VII	HUYỆN CHƠN THÀNH	35.500	35.500	15.700	19.800					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.700	15.700	15.700						
b	Tiền sử dụng đất	19.800	19.800		19.800					

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó					Vốn nước ngoài (ODA)	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	6.500	6.500							
VIII	<u>HUYỆN HÓN QUẢN</u>	24.700	23.500	15.700	7.800					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.700	15.700	15.700						
b	Tiền sử dụng đất	9.000	7.800		7.800					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	5.000	5.000							
IX	<u>HUYỆN LỘC NINH</u>	34.400	38.900	17.600	21.300					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.600	17.600	17.600						
b	Tiền sử dụng đất	16.800	21.300		21.300					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	7.000	7.000							
X	<u>HUYỆN BÙ ĐÓP</u>	21.700	28.500	19.500	9.000					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	14.500	14.500	14.500						
b	Bổ sung cho huyện Bù Đốp xây dựng các công trình giao thông		5.000	5.000						
c	Tiền sử dụng đất	7.200	9.000		9.000					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	4.000	4.000							

STT	DANH MỤC	Kế hoạch đầu năm 2016	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2016							CHỦ ĐẦU TƯ
			TỔNG CỘNG	Trong đó					Vốn nước ngoài (ODA)	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu NSTW	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
X	HUYỆN PHÚ RIỀNG	20.040	23.840	20.000	3.840					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.000	15.000	15.000						
b	Bổ sung cho huyện Phú Riềng xây dựng đường Trung tâm hành chính huyện		5.000	5.000						
c	Tiền sử dụng đất	5.040	3.840		3.840					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu	-								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.100	3.100							
	- Khoa học và công nghệ	600	600							
	- Đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới	4.000	4.000							
		-								

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN XDCB NĂM 2016 THANH TOÁN NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Kèm theo nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng		1.211.671	717.388	53.200	
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		255.276	209.194	14.422	
1	Khởi phòng học bộ môn trường THPT Nguyễn Khuyến, Bù Gia Mập	2390/QĐ-UBND; 18/10/2010	5.851	5.198	506	Sở GD&ĐT
2	Khởi hiệu bộ, phòng học bộ môn và hạ tầng kỹ thuật trường cấp 2, 3 Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	2467/QĐ-UBND ngày 27/10/2010	12.401	11.950	300	Sở GD&ĐT
3	Khởi hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	2476/QĐ-UBND ngày 27/10/2010	4.324	4.012	150	Sở GD&ĐT
4	Cải tạo, sửa chữa 03 KTX trường Cao đẳng sư phạm tỉnh	5767/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	13.253	11.950	1.084	Trường CĐSP
5	XD 2 phòng Mẫu giáo, 2 phòng tiểu học Đa Bông Cua, Bù Đăng	Số 323/QĐ-UBND ngày 26/02/2014	3.052	3.028	25	UBND huyện Bù Đăng
6	Trường Mầm non Tân Thiện	3520/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	18.564	17.000	1.564	UBND thị xã Đồng Xoài
7	Trường THPT Chơn Thành, huyện Chơn Thành	976/QĐ-UBND ngày 05/6/2007	23.826	23.373	318	Sở GD&ĐT
8	Khởi phòng học bộ môn Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	2398/QĐ-UBND ngày 18/10/2010	5.761	3.758	613	Sở GD&ĐT
9	XD 08 phòng lầu cấp 2 - 3 Tân Tiến, Bù Đốp	2604/QĐ-UBND ngày 9/12/2011	3.122	2.700	422	UBND huyện Bù Đốp
10	Khởi hiệu bộ, phòng học bộ môn và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2529/QĐ-UBND ngày 01/11/2010	10.560	9.367	623	Sở GD&ĐT
11	Ký túc xá Trường PTDTNT Điều Ông, huyện Bù Đăng	1822/QĐ-UBND ngày 14/9/2012	12.608	12.400	208	Sở GD&ĐT
12	Xây dựng nhà tập đa năng Trường THPT Bình Long	1670/QĐ-UBND ngày 22/8/2012	3.502	2.640	771	Sở GD&ĐT
13	Xây dựng Trường THPT Đa Kia, huyện Bù Gia Mập	1465/QĐ-UBND 19/7/2012	33.545	10.000	2.090	Sở GD&ĐT

QUỐC NHẢY

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7
14	Trường THPT Đồng Tiến, huyện Đồng Phú	2305/QĐ-UBND ngày 25/10/2011	39.285	36.294	2.000	Sở GD&ĐT
15	Xây dựng phòng học, phòng bộ môn Trường THPT chuyên Quang Trung	368/QĐ-UBND ngày 18/2/2011	11.700	11.266	412	Trường THPT chuyên Quang Trung
16	San lấp mặt bằng, xây dựng hàng rào khi đất mở rộng Trường THPT chuyên Quang Trung	1785/QĐ-UBND ngày 10/9/2011	3.794	2.792	480	Trường THPT chuyên Quang Trung
17	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị nghề và điện công nghiệp, điện tử dân dụng Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng	966/QĐ-UBND ngày 07/06/2013	33.300	29.500	550	Trường TCN Tôn Đức Thắng
18	Xây dựng Ký túc xá Trường THPT chuyên Quang Trung	1717/QĐ-UBND ngày 30/8/2012	16.828	11.966	2.306	Trường THPT chuyên Quang Trung
II	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ *		15.818	14.841	786	
1	Đầu tư trang thiết bị nâng cao năng lực trồng trọt và bảo vệ thực vật	1483/QĐ-UBND ngày 26/10/2013			10	Sở KH&CN
2	Xây dựng mô hình sản xuất và nhân giống cây cà phê năng suất cao	1483/QĐ-UBND ngày 26/10/2012	2.148	2.033	91	Sở KH&CN
3	Nhà làm việc và mua sắm trang thiết bị đo lường trung tâm kỹ thuật đo lường và thử nghiệm tĩnh	1916/QĐ-UBND ngày 17/9/2012	7.439	7.151	177	Sở KH&CN
4	Đầu tư trang thiết bị Laser bán dẫn công suất thấp tại các trạm y tế của xã, phường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh	1333/QĐ-UBND ngày 28/6/2012	2.318	2.157	116	Sở KH&CN
5	Xây dựng Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	2775/QĐ-UBND ngày 02/12/2010	3.913	3.500	392	Sở Thông tin & Truyền thông
III	VĂN HÓA XÃ HỘI		56.192	50.204	5.159	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà trung tâm, nhà phát xạ, cổng hàng rào Đài PTTH tỉnh	1688/QĐ-UBND ngày 17/12/2009	2.403	2.252	148	Đài PTTH tỉnh
2	Hệ thống vi ba lưu động - Đài PTTH tỉnh	187/QĐ-UBND ngày 12/9/2008	3.549	3.000	137	Đài PTTH tỉnh
3	Trung tâm giáo dục lao động tạo việc làm Minh lập	1640/QĐ-UBND ngày 24/7/2008	28.834	27.537	1.297	Sở LĐTB&XH
4	Nhà thiếu nhi huyện Bù Đốp	1134/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	6.290	4.665	1.625	UBND huyện Bù Đốp

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7
5	Nhà dài truyền thống đồng bào dân tộc S' Tiếng Sok Bom Bo	1178/QĐ-UBND ngày 12/5/2011	4.180	4.020	160	Sở VH&TT&DL
6	XD nhà văn hóa xã Tân Thành	3500/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	2.994	2.800	194	UBND thị xã Đồng Xoài
7	Trung tâm phát sóng truyền hình Bà Rá	2613/QĐ-UBND ngày 23/11/2011	7.942	5.930	1.598	Đài PTTH tỉnh
IV	Y TẾ		352.883	26.515	3.131	
1	Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh	278/QĐ-UBND ngày 21/2/2013	7.221	6.900	320	Trung tâm PCSR tỉnh
2	Trung tâm y tế thị xã Đồng Xoài	278/QĐ-UBND ngày 21/2/2014	9.954	8.400	650	UBND thị xã Đồng Xoài
3	XD Trung tâm y tế dự phòng - huyện Bù Đang	Số 984/QĐ-UBND ngày 21/6/2012	7.203	6.296	907	UBND huyện Bù Đang
4	Chuẩn bị đầu tư dự án cải tạo nâng cấp và mở rộng BVĐK tỉnh lên 600 giường	1082/QĐ-UBND ngày 25/10/2011	328.505	4.919	1.254	Bệnh viện đa khoa tỉnh
V	NÔNG NGHIỆP		80.753	79.531	1.225	
1	Hệ thống thủy lợi Hưng Phú	1009/QĐ-UBND ngày 24/4/2009	7.729	7.572	158	Sở NN&PTNT
2	Hệ thống thủy lợi Đa Bô	259/QĐ-UBND ngày 26/2/2003	4.320	4.235	86	Sở NN&PTNT
3	Kiến cố hóa kênh N9, N13 – HTTL Lộc Quang, huyện Lộc Ninh	882/QĐ-UBND ngày 23/4/2004	4.788	4.748	40	Sở NN&PTNT
4	Sửa chữa nâng cấp kênh tưới HTTL Lộc Quang	1144/QĐ-UBND ngày 17/11/2011	2.882	2.870	12	Sở NN&PTNT
5	Tưới và cấp nước trại giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Bình Phước	211/QĐ-SNN ngày 05/5/2009	3.746	3.532	214	Sở NN&PTNT
6	Hồ chứa nước Tân Lợi	2293/QĐ-UBND 9/12/2002	10.466	10.163	303	Sở NN&PTNT
7	HTTL Ba Veng	3020/QĐ-UBND ngày 29/12/2010	44.181	43.882	300	Sở NN&PTNT



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
1	2	3	4	5	6	7
8	Kênh N1-N7-N11 HTTL Lộc Quang	681a/QĐ-UBND ngày 20/3/2009	2.641	2.529	112	Sở NN&PTNT
VI	GIAO THÔNG NG VẬN TẢI- HẠ TẦNG ĐÔ THỊ		364.490	275.965	11.142	
1	Đường từ UBND xã Tiến hưng TX Đồng Xoài đến xã Tân Hưng huyện Đồng Phú		2.592	2.500	167	UBND thị xã Đồng Xoài
2	03 cầu trên đường Đồng Phú Bình Long	1923/QĐ-UBND 14/09/2007	24.101	17.488	696	Sở GTVT
3	Xử lý trụ điện 74 – 76 đường dây 110KV Thác Mơ – Đồng Xoài	1571/QĐ-UBND ngày 10/9/2003	1.037	981	56	Sở NN&PTNT
4	Đường quy hoạch TTCH xã thuộc dự án dự đường GTNT xã Bình Minh huyện Bù đăng	939/QĐ-UBND ngày 14/4/2011	6.153	5.666	486	UBND huyện Bù Đăng
5	XD đường Đồng Phú - Bình Long	207/QĐ-UB ngày 24/01/2010	44.258	9.989	500	Sở GTVT
6	Dự án đường Lê Quý Đôn	62/QĐ-UBND ngày 2013	53.991	51.106	500	UBND thị xã Đồng Xoài
7	Đường xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài	2233/QĐ-UBND ngày 01/11/2012	14.890	12.458	2.000	UBND thị xã Đồng Xoài
8	Đường nhựa TT xã Phước Thiện đi ấp Phước Tiến	1662/QĐ-UBND ngày 12/9/2012	3.621	3.607	14	UBND huyện Bù Đốp
9	Nâng cấp mở rộng đường 753 (hạng mục đèn bù)	3019/QĐ-UBND ngày 29/12/2010		2.460	9	Sở GTVT
10	NC, LN Tân Khai - Tân Quan gói 2	2653/QĐ-UBND ngày 05/12/2008	42.848	13.772	593	Sở GTVT
11	XD cầu Rạt	955/QĐ-UBND ngày 11/05/2012	14.874	12.050	612	Sở GTVT
12	Một số tuyến trung tâm hành chính tỉnh (8 tuyến)	2214/QĐ-UBND ngày 06/11/2003	5.046	1.986	30	Sở Xây dựng
13	Một số tuyến trung tâm hành chính tỉnh (Lý Thường Kiệt)	2634/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	9.260	8.812	274	Sở Xây dựng
14	Đường vành đai khu dân cư hồ Sa Cát	2752/QĐ-UBND ngày 31/12/2003	51.255	51.246	10	Sở NN&PTNT
15	Công trình: Nâng cấp đường giao thông Minh Lập – Lộc Hiệp	2202/QĐ-UBND ngày 21/11/2002	7.836	7.670	166	Sở NN&PTNT

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7
16	Via hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng các tuyến đường khu TTHC tỉnh gồm Nguyễn Chánh, Nguyễn Bình, Nguyễn Chí Thanh, Trần Văn Trà	1256/QĐ-UBND ngày 18/6/2008	6.611	5.601	235	Sở Xây dựng
17	Nâng cấp, thảm BTNN đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến Hai Bà Trưng	622/QĐ-UBND ngày 09/4/2007	2.936	2.356	420	Sở Xây dựng
18	Hệ thống chiếu sáng các tuyến đường Nguyễn Chánh, Nguyễn Bình, Trường Chinh, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thị Minh Khai	193/QĐ-SKHĐT ngày 08/3/2007	581	481	38	Sở Xây dựng
19	Hệ thống điện cụm dân cư N25-20, N26-12 và lô 21, 22 đường Hùng Vương, thị xã Đồng Xoài tỉnh Bình Phước	242/QĐ-SKHĐT ngày 02/6/2003	321	104	127	Sở Xây dựng
20	XD hệ thống thoát nước ngang KDC ấp I, xã Tiến Thành, TX Đồng Xoài	867/QĐ-UBND ngày 25/04/2001	703	534	18	Sở Xây dựng
21	XD đường giao thông ấp 1, xã Tiến Thành, TX Đồng Xoài (tuyến III và Tuyến IV)	1025/QĐ-UBND ngày 19/6/2003	3.071	2.207	315	Sở Xây dựng
22	Xây dựng kênh chính thoát nước dọc đường số 1 KCN Chơn Thành	2300/QĐ-UBND ngày 19/8/2009	8.350	6.140	902	Ban Quản lý KKT
23	Nối tiếp mương thoát nước số 1 ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc		1.720	1.476	134	Ban Quản lý KKT
24	XD đường và HTTN QL 14 (đoạn đường Lê Quý Đôn từ QL 14 đến Phú Riềng Đỏ và đường QH số 20 đoạn từ đường Hùng Vương đến TTMM)	2318/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	58.435	55.275	2.840	Sở Xây dựng
VII QUẢN LÝ NN			35.162	21.616	8.707	
1	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước	3210/QĐ-UBND ngày 17/11/2010	6.897	5.784	813	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá
2	Trụ sở QLTT số 3 Bù Đăng	1416/QĐ-SKHĐT ngày 12/10/2012	2.220	1.431	747	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh
3	Trụ sở QLTT số 11 Bù Gia Mập	1690/QĐ-SKHĐT ngày 13/12/2012	1.779	1.479	300	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh
4	XD trụ sở UBND xã Tân Khai huyện Hớn Quản	282/QĐ-UBND ngày 21/02/2012	4.705	3.126	990	UBND huyện Hớn Quản



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7
5	Xây dựng trụ sở phường Long Phước	2553/QĐ-UBND ngày 20/12/2012	6.700	3.750	2.900	UBND thị xã Phước Long
6	Xây dựng nhà làm việc khối đoàn thể huyện Hớn Quản	979/QĐ-UBND ngày 04/4/2011	12.861	6.046	2.957	UBND huyện Hớn Quản
VIII	AN NINH-QUỐC PHÒNG		51.097	39.522	8.628	
1	Công trình: Nhà khách công vụ.	253/QĐ-SKHĐT ngày 28/3/2012	1.745	1.533	6	Bộ CHQS tỉnh
2	Bệnh xá K23	1429/QĐ-UBND ngày 17/7/2012	2.827	1.932	270	Bộ CHQS tỉnh
3	Trụ sở đội PCCC khu vực huyện Chơn Thành	1450/QĐ-UBND ngày 14/8/2013	19.270	13.500	5.770	Công an tỉnh
4	Nhà ăn học viên, nhà ăn cán bộ giáo viên trường quân sự tỉnh	19/QĐ-UBND ngày 7/1/2013	9.313	5.690	2.530	Bộ CHQS tỉnh
5	Công trình: Điện Trung thế & TBA khu căn cứ Hậu cần-Kỹ thuật	230/QĐ-SKHĐT ngày 21/3/2012	1.009	867	52	Bộ CHQS tỉnh

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

TRÊN BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết Hội đồng UBND tỉnh Quyết định 160/2007/QĐ-TTg ngày 17/10/2007 của Thủ tướng Chính Phủ)
/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

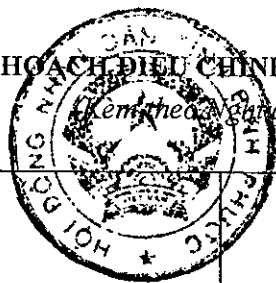
ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
	Tổng số		7.500	
I	Huyện Lộc Ninh		3.500	
1	Xã Lộc Thiện		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Đường GTNT tổ 4, ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	3250/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc Thiện
2	Xã Lộc Thạnh		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Đường Sỏi đỏ tổ 3, ấp Thạnh Biên, xã Lộc Thành	3251/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc Thành
3	Xã Lộc Thành		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT ấp Tân Mai, xã Lộc Thành	3254/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc Thành
4	Xã Lộc Hòa		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Đường GTNT Suối Đĩa ấp 8B (giai đoạn 2), xã Lộc Hòa	3252/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc Hòa
5	Xã Lộc Tấn		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Duy tu, sửa chữa đường GTNT ấp 4A - Cây Chặt - 5A, xã Lộc Tấn	3253/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc Tấn
6	Xã Lộc An		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT ấp 2, ấp 8, xã Lộc An	3255/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc An
7	Xã Lộc Thịnh		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Xây dựng đường điện THT và TBA Cấn Lê, xã Lộc Thịnh	3256/QĐ-UBND 23/10/2015	500	UBND xã Lộc Thịnh
II	Huyện Bù Đốp		3.000	
1	Xã Tân Thành		500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		500	
1	Xây dựng đường điện THT và TBA 1x50 KVA ấp Tân Đồng, xã Tân Thành	799a/QĐ-UBND ngày 28/5/2012	128	UBND xã Tân Thành
2	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Phong, xã Tân Thành	1254a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	372	UBND xã Tân Thành
2	Xã Thiện Hưng		500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		198	
1	Xây dựng đường giao thông thôn 10, xã Thiện Hưng	1083/QĐ-UBND ngày 24/9/2013	198	UBND xã Thiện Hưng
	<i>Công trình khởi công mới</i>		302	

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	Xây dựng đường điện trung - hạ thế tổ 9, thôn Thiện Cư, xã Thiện Hưng	340/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	302	UBND xã Thiện Hưng
3	Xã Phước Thiện		500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		88	
1	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Phước, xã Phước Thiện	1257a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	88	UBND xã Phước Thiện
	<i>Công trình khởi công mới</i>		412	
1	Xây dựng đường GTNT ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	312/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	412	UBND xã Phước Thiện
4	Xã Hưng Phước		500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		164	
1	Xây dựng đường GTNT ấp 4, xã Hưng Phước	1256a/QĐ-UBND ngày 24/10/2015	164	UBND xã Hưng Phước
	<i>Công trình khởi công mới</i>		336	
1	Xây dựng cổng hàng rào trường THCS Hưng phước, xã Hưng Phước	309/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	336	UBND xã Hưng Phước
5	Xã Tân Tiến		500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		48	
1	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Phước xã Tân Tiến	1255a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	48	UBND xã Tân Tiến
	<i>Công trình khởi công mới</i>		452	
1	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Nhân - Tân Nghĩa, xã Tân Tiến	310/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	452	UBND xã Tân Tiến
6	Xã Thanh Hòa		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Xây dựng đường nhựa ấp 2, xã Thanh Hòa	311/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	500	UBND xã Thanh Hòa
III Huyện Bù Gia Mập			1.000	
1	Xã Đăk Ô		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Xây dựng 02 phòng học trường Mẫu giáo Đăk Ô (điểm thôn 2 Bù Khơn)	4273/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	500	UBND xã Đăk Ô
2	Xã Bù Gia Mập		500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		500	
1	Xây dựng 02 phòng học trường Mẫu giáo Hoa Hồng xã Bù Gia Mập	4257/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	500	UBND xã Bù Gia Mập

*Ghi chú: Giao UBND các huyện thông báo kế hoạch vốn đến từng xã là chủ đầu tư

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2016

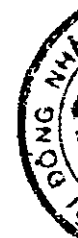


Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ (A+B+C)				2.885.583	2.148.032	-	210.000	137.462	478.194	389.764	393.983	
A	Nguồn giao đầu năm 2016				2.830.797	2.103.860	-	210.000	137.462	478.194	389.764	322.658	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng				971.059	825.462	-	210.000	137.462	352.336	268.836	194.400	
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016				651.059	505.462	-	210.000	137.462	352.336	268.836	164.400	
	Dự án nhóm C				149.940	115.000	-	-	-	36.700	23.700	49.074	
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hón Quan	H.Hón Quan	2015-2019	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	50.000				9.600	9.600	23.074	UBND huyện Hón Quan
2	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	H.Bù Đốp	2015-2017	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	40.000				12.500	9.500	15.000	UBND huyện Bù Đốp
3	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riêng đi Phú Trung huyện Bù Gia Mập	H.Bù Gia Mập	2014-2016	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	25.000				14.600	4.600	11.000	UBND huyện Bù Gia Mập
	Dự án nhóm B				501.119	390.462		210.000	137.462	315.636	245.136	115.326	
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình huyện Bù Đốp	H.Bù Gia Mập- H.Bù Đốp	2014-2016	1840/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	363.657	253.000				151.900	113.400	109.600	Sở GTVT
2	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đăng Hà	H.Bù Đăng	2012-2016	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010	137.462	137.462	1420/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	210.000	137.462	163.736	131.736	5.726	Sở NN&PTNT



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
b	Dự án khởi công mới trong năm 2016				320.000	320.000	-	-	-	-	-	30.000	
	Dự án nhóm B				320.000	320.000	-	-	-	-	-	30.000	
1	Dự án xây dựng đường từ ngã 3 Vườn Chuối (QL 14) đến khu vực trồng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Bù Đăng	2016-2020	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	150.000	150.000						15.000	Sở VH-TT&DL
2	Dự án đường giao thông phục vụ dân sinh gần với đầm bảo quốc phòng- an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh	Lộc Ninh	2016-2020	2405/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	170.000	170.000						15.000	UBND huyện Lộc Ninh
II	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				193.972	155.600	-	-	-	26.334	25.404	29.500	
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016				43.972	35.600	-	-	-	26.334	25.404	10.196	
	Dự án nhóm C				43.972	35.600	-	-	-	26.334	25.404	10.196	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành Trung tâm giống nông lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	Đồng Phú	2011-2016	2358/QĐ-UB ngày 12/10/2010	43.972	35.600				26.334	25.404	10.196	Sở NN&PTNT
b	Dự án khởi công mới trong năm 2016				150.000	120.000	-	-	-	-	-	19.304	
	Dự án nhóm B				150.000	120.000	-	-	-	-	-	19.304	
	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	Lộc Ninh	2016-2020	2392/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	150.000	120.000						19.304	Ban QL KKT
III	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững				295.000	295.000	-	-	-	-	-	10.000	
	Dự án khởi công mới trong năm 2016				295.000	295.000	-	-	-	-	-	10.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	H.Bù Gia Mập	2016-2020		295.000	295.000						10.000	
IV	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo				676.725	575.216	-		-	19.000	15.000	15.000	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016				676.725	575.216	-		-	19.000	15.000	15.000	
	Dự án nhóm B				676.725	575.216	-		-	19.000	15.000	15.000	
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	Toàn tỉnh	2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216				19.000	15.000	15.000	Sở Công thương
V	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu				145.033	51.000	-	-	-	30.000	30.000	21.000	
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016				145.033	51.000	-	-	-	30.000	30.000	21.000	
	Dự án nhóm B				145.033	51.000	-	-	-	30.000	30.000	21.000	
1	Xây dựng đường và kênh thoát nước tại khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017	H.Lộc Ninh	2013-2017	2158a/QĐ-UBND ngày 24/10/2012, 2678/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	145.033	51.000				30.000	30.000	21.000	Ban QL KKT
VI	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016-2020				15.693	9.500	-	-	-	6.000	6.000	3.500	
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016				15.693	9.500		-	-	6.000	6.000	3.500	
	Dự án nhóm C				15.693	9.500		-	-	6.000	6.000	3.500	
	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	H.Bù Gia Mập	2015-2016	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	15.693	9.500				6.000	6.000	3.500	UBND huyện Bù Gia Mập



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
VII	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch				68.853	55.082	-	-	-	28.524	28.524	26.558	
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016				68.853	55.082	-	-	-	28.524	28.524	26.558	
	Dự án nhóm B				68.853	55.082	-	-	-	28.524	28.524	26.558	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc Khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng -Sóc Bom Bo	H.Bù Đăng	2012-2016	2003/QĐ-UBND ngày 5/9/2011	68.853	55.082				28.524	28.524	26.558	Sở VH-TT&DL
VIII	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm				140.528	137.000	-	-	-	16.000	16.000	21.000	
	Quản lý bảo vệ biên giới				140.528	137.000	-	-	-	16.000	16.000	21.000	
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2016				30.528	27.000	-	-	-	16.000	16.000	11.000	
1	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư- Chiu Riú và Lộc Thiện- Tà Nốt) đoạn 2 tuyến Lộc Thiện- Tà Nốt	H.Lộc Ninh	2015-2017	2338/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	30.528	27.000				16.000	16.000	11.000	Bộ CHB&BP
b	Dự án khởi công mới trong năm 2016				110.000	110.000	-	-	-	-	-	10.000	
1	Xây dựng đường nhựa vào Đồn biên phòng Thanh Hòa, xã Đắk O, huyện Bù Gia Mập và Cụm dân cư Bù Gia Mập.	Bù Gia Mập	2016-2020	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	110.000	110.000						10.000	Bộ CHB&BP
IX	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA				323.934	-	-	-	-	-	-	1.700	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2016				323.934	-	-	-	-	-	-	1.700	
	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm		2011-2015	2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	323.934							1.700	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B	Nguồn bổ sung trong năm 2016				54.786	44.172	-	-	-	-	-	43.460	
I	Chương trình ĐCĐC theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ				11.613	11.613	-	-	-	-	-	11.060	
	Đường từ ĐT753 vào khu định canh, định cư ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú	huyện Đồng Phú	2016-2017	163/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	11.613	11.613						11.060	UBND huyện Đồng Phú
II	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ				35.773	25.159	-	-	-	-	-	25.000	
1	Nâng cấp láng nhựa đường dự án định canh, định cư tập trung xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	Huyện Lộc Ninh	2016-2017	583/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	3.799	3.799						3.700	Ban Dân tộc
2	Nâng cấp láng nhựa đường dự án định canh, định cư tập trung thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Huyện Bù Đăng	2016-2017	584/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	3.360	3.360						3.300	Ban Dân tộc
3	Đường từ thôn 2 xã Đăk Ô vào giáp đường tuần tra biên giới (dự án 193; 33 tiểu khu 42 Nông lâm trường Đăk Mai), huyện Bù Gia Mập	Huyện Bù Gia Mập	2016-2017	582/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	28.614	18.000						18.000	UBND huyện Bù Gia Mập
III	Hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2015-2016				7.400	7.400	-	-	-	-	-	7.400	
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh	Huyện Lộc Ninh	2016		1.500	1500						1.500	Sở Nông nghiệp & PTNT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	Huyện Bù Đốp	2016		1.500	1500						1.500	Sở Nông nghiệp & PTNT
3	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Bù Lư, huyện Bù Gia Mập	Huyện Bù Gia Mập	2016		900	900						900	Sở Nông nghiệp & PTNT
4	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Bù Xa, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng	Huyện Bù Đăng	2016		1.000	1000						1.000	Sở Nông nghiệp & PTNT
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phước Lộc, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng	Huyện Bù Đăng	2016		1.000	1000						1.000	Sở Nông nghiệp & PTNT
6	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã An Khương, huyện Hớn Quản	Huyện Hớn Quản	2016		1.500	1500						1.500	Sở Nông nghiệp & PTNT
C	Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016											27.865	Có bảng chi tiết kèm theo

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN HỖ TRỢ KINH PHÍ KHÁC PHỤC HẬU QUẢ HẠN
HẠN VÀ XÂM NHẬP MẠN VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2014 - 2015**



(Nguồn: Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016)

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4
	Tổng cộng	16.577	Sở NN&PTNT
1	Sửa chữa mặt đập hồ Đồng Xoài, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú.	451	
2	Đắp đập dâng (tam) trên suối Ba Veng, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản.	4.973	
3	Nâng cao mực nước hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ, xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập	7	
4	Sửa chữa hư hỏng do mưa lũ gây ra tại công trình hồ NT4, xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập.	9	
5	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh thuộc HTTL An Khương, huyện Hớn Quản	10	
6	Kênh tưới giai đoạn II hồ Ba Veng, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	27	
7	Nạo vét lòng hồ và cống xả đáy công trình thủy lợi Bù Môn, huyện Bù Đăng	300	
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp	6.800	
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Phú, thị xã Bình Long	4.000	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2016

(Nguồn: Chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016)

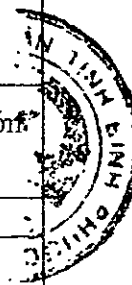
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng		295.612	277.284	27.865	
I	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng		44.553	37.997	396	
1	Nhà thi đấu đa năng huyện Bù Đốp	1487/QĐ-UBND ngày 28/5/2009; 1373/QĐ-UBND ngày 09/7/2012	21.556	20.000	145	UBND huyện Bù Đốp
2	Phát triển truyền thanh cơ sở các huyện miền núi, biên giới tỉnh Bình Phước	1984/QĐ-UBND ngày 29/8/2011	22.997	17.997	251	Đài phát thanh truyền hình tỉnh
II	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Cam puchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg ngày 17/10/2007				710	Đầu tư cho các xã thuộc 15 xã biên giới
1	Huyện Lộc Ninh				391	
2	Huyện Bù Đốp				254	
3	Huyện Bù Gia Mập				65	
III	Hỗ trợ đầu tư các tỉnh huyện mới chia tách		28.000	28.000	1.170	
1	Dự án chuyển tiếp		28.000	28.000	1.170	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
	Trụ sở huyện ủy Bù Gia Mập	2194/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	28.000	28.000	1.170	UBND huyện Bù Gia Mập
IV	Chương trình di dân định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số		46.588	46.588	1.637	
1	Dự án chuyển tiếp		46.588	46.588	1.637	
1.1	Dự án di dân thực hiện ĐCĐC tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn 8 xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 05/01/2010	13.228	13.228	258	UBND huyện Bù Đăng
1.2	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã ĐaK O, huyện Bù Gia Mập	638/QĐ-UBND ngày 25/03/2011	33.360	33.360	1.379	UBND huyện Bù Gia Mập
V	Dự án ổn định dân di cư tự do cấp bách		37.103	37.103	990	
1	Dự án đầu tư di dời và ổn định dân DCTD trong lâm phần BQL rừng phòng hộ Đắk Mai	266/QĐ-UBND ngày 02/10/2010	23.103	23.103	139	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Dự án di dời và ổn định di dân cư tự do trong lâm phần BQL phòng hộ Đồng nai	267/QĐ-UBND ngày 02/10/2010	14.000	14.000	851	UBND huyện Bù Đăng
VI	Chương trình bảo vệ & phát triển rừng bền vững		48.652	48.652	5.627	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		48.652	48.652	5.627	
1	Tiểu dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng tại vườn QG Bù Gia Mập	2173/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	44.651	44.651	2	Vườn QG Bù Gia Mập

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
2	Hỗ trợ vườn QG Bù Gia Mập (hỗ trợ XD nhà kiểm lâm, trạm bảo vệ rừng, đường tuần tra...)	1590/QĐ-UBND ngày 08/8/2012	4.001	4.001	28	Vườn QG Bù Gia Mập
3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015, Vườn quốc gia Bù Gia Mập				5.597	Vườn QG Bù Gia Mập
VII	Hỗ trợ trụ sở xã		11.400	8.000	218	
1	Xây dựng trụ sở Phường Long Phước, thị xã Phước Long	2553/QĐ-UBND ngày 20/10/2012	6.700	4.700	18	UBND thị xã Phước Long
2	XD trụ sở UBND xã Tân Khai	2554/QĐ-UBND ngày 20/10/2012	4.700	3.300	200	UBND huyện Hớn Quản
VIII	Chương trình 134		-	-	35	
1	Sửa chữa 2 tuyến đường tại xã Thuận Phú huyện Đồng Phú				35	Ban Dân tộc
IX	Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản		79.316	70.944	505	
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành		79.316	70.944	505	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	2358/QĐ-UBND ngày 12/10/2010	43.972	35.600	455	Sở NN&PTNT
2	Trại cá giống thủy sản nước ngọt cấp I tỉnh Bình Phước	2285/QĐ-UBND ngày 09/12/2002	35.344	35.344	50	Sở NN&PTNT



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7
X	Hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ đông xuân 2014-2015		.		16.577	có bảng chi tiết kèm theo

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu Đồng

ST T	Danh mục các chương trình	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	59.747	35.240	24.507	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	27.800	12.200	15.600	Có bảng chi tiết kèm theo
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	31.947	23.040	8.907	
	Trong đó:				
2,1	Nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	250	-	250	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
2,2	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	500	-	500	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
2,3	Chương trình 135	31.197	23.040	8.157	Có bảng chi tiết kèm theo

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016**

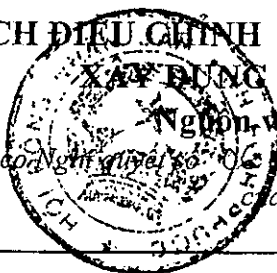
Nguồn vốn : Ngân sách Trung ương
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4
	Tổng cộng	12.200	
1	Thị xã Đồng Xoài	1.000	
	Xã Tân Thành	1.000	UBND xã Tân Thành
2	Thị xã Bình Long	2.000	
2.1	Xã Thanh Lương	1.000	UBND xã Thanh Lương
2.2	Xã Thanh Phú	1.000	UBND xã Thanh Phú
3	Thị xã Phước Long	1.000	
	Xã Long Giang	1.000	UBND xã Long Giang
4	Huyện Đồng Phú	3.100	
4.1	Xã Thuận Phú	1.100	UBND xã Thuận Phú
4.2	Xã Tân Tiến	1.000	UBND xã Tân Tiến
4.3	Xã Tân Phước	1.000	UBND xã Tân Phước
5	Huyện Chơn Thành	1.000	
	Xã Minh Hưng	1.000	UBND xã Minh Hưng
6	Huyện Hớn Quản	1.000	
	Xã Thanh Bình	1.000	UBND xã Thanh Bình
7	Huyện Bù Đăng	1.000	
	Xã Minh Hưng	1.000	UBND xã Minh Hưng
8	Huyện Lộc Ninh	1.100	
	Xã Lộc Hưng	1.100	UBND xã Lộc Hưng
9	Huyện Bù Gia Mập	1.000	
	Xã Phú Nghĩa	1.000	UBND xã Phú Nghĩa

***Ghi chú:** Giao UBND các huyện, thị xã giao kế hoạch vốn chi tiết danh mục dự án đến từng xã

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016**



Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số: 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	15.600	15.600	
I	Thị xã Đồng Xoài	355	355	
1	Xã Tân Thành (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Thành
2	Xã Tiến thành	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tiến Thành
3	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	15	15	Phòng Kinh tế
II	Thị xã Bình Long	355	355	
1	Xã Thanh Lương (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thanh Lương
2	Xã Thanh Phú (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thanh Phú
3	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	15	15	Phòng Kinh tế
III	Thị xã Phước Long	355	355	
1	Xã Phước Tín	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Phước Tín
2	Xã Long Giang (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Long Giang
3	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	15	15	Phòng Kinh tế
IV	Huyện Bù Gia Mập	1.281	1.281	
1	Xã Đăk Ô	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Đăk Ô
2	Xã Bù Gia Mập	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Bù Gia Mập
3	Xã Phú Nghĩa (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Phú Nghĩa
4	Xã Đức Hạnh	185	185	
4.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	15	15	UBND xã Đức Hạnh
4.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Đức Hạnh
5	Xã Phú Văn	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Phú Văn
6	Xã Đa Kì	326	326	
6.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	156	156	UBND xã Đa Kì
6.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Đa Kì
7	Xã Phước Minh	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Phước Minh
8	Xã Bình Thắng	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Bình Thắng
9	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	30	30	Phòng NN&PTNT
V	Huyện Phú Riềng	1.671	1.421	
1	Xã Long Bình	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Long Bình
2	Xã Bình Tân	97	4	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	97	4	UBND xã Bình Tân
3	Xã Long Hưng	200	170	
3.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	30	-	UBND xã Long Hưng
3.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Long Hưng
4	Xã Phước Tân	270	270	
4.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Phước Tân
4.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Phước Tân
5	Xã Bù Nho (Dự kiến về đích năm 2016)	279	185	
5.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	109	15	UBND xã Bù Nho
5.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Bù Nho
6	Xã Long Hà	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Long Hà
7	Xã Long Tân	297	292	

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
7.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	127	122	UBND xã Long Tân
7.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Long Tân
8	Xã Phú Trung	28	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	28	-	UBND xã Phú Trung
9	Xã Phú Riềng	270	270	
9.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Phú Riềng
9.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Phú Riềng
11	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	30	30	Phòng NN&PTNT
VI	Huyện Lộc Ninh	1.966	1.395	
1	Xã Lộc Hưng (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Hưng
2	Xã Lộc Hiệp	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Hiệp
3	Xã Lộc Thái	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Thái
4	Xã Lộc Hòa	14	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	14	-	UBND xã Lộc Hòa
5	Xã Lộc An	241	170	
5.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	71	-	UBND xã Lộc An
5.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc An
6	Xã Lộc Tấn	270	170	
6.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	-	UBND xã Lộc Tấn
6.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Tấn
7	Xã Lộc Thạnh	16	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	16	-	UBND xã Lộc Thạnh
8	Xã Lộc Thiện	89	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	89	-	UBND xã Lộc Thiện
9	Xã Lộc Thuận	237	170	
9.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	67	-	UBND xã Lộc Thuận
9.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Thuận
10	Xã Lộc Quang	12	-	



ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	12	-	UBND xã Lộc Quang
11	Xã Lộc Phú	178	170	
10.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	8	-	UBND xã Lộc Phú
10.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Phú
12	Xã Lộc Thành	100	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	-	UBND xã Lộc Thành
13	Xã Lộc Điền	194	170	
13.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	24	-	UBND xã Lộc Điền
13.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Lộc Điền
14	Xã Lộc Thịnh	41	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	41	-	UBND xã Lộc Thịnh
15	Xã Lộc Khánh	29	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	29	-	UBND xã Lộc Khánh
16	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	35	35	Phòng NN&PTNT
VII	Huyện Bù Đốp	1.180	1.045	
1	Xã Tân Thành	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Thành
2	Xã Thiện Hưng	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thiện Hưng
3	Xã Tân Tiến	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Tiến
4	Xã Phước Thiện	255	170	
4.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	85	-	UBND xã Phước Thiện
4.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Phước Thiện
5	Xã Thanh Hòa	220	170	
5.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	50	-	UBND xã Thanh Hòa
5.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thanh Hòa
6	Xã Hưng Phước	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Hưng Phước
7	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	25	25	Phòng NN&PTNT
VIII	Huyện Hớn Quản	2.226	2.411	

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
1	Xã An Khương	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã An Khương
2	Xã Thanh Bình (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thanh Bình
3	Xã Thanh An	100	185	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	185	UBND xã Thanh An
4	Xã An Phú	89	23	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	89	23	UBND xã An Phú
5	Xã Tân Lợi	297	233	
5.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	127	63	UBND xã Tân Lợi
5.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Lợi
6	Xã Tân Hưng	100	274	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	274	UBND xã Tân Hưng
7	Xã Minh Đức	90	61	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	90	61	UBND xã Minh Đức
8	Xã Minh Tâm	100	135	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	135	UBND xã Minh Tâm
9	Xã Phước An	270	302	
9.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	132	UBND xã Phước An
9.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Phước An
10	Xã Tân Khai	100	176	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	176	UBND xã Tân Khai
11	Xã Đồng Nơ	249	176	
11.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	79	6	UBND xã
11.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã
12	Xã Tân Hiệp	270	306	
12.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	136	UBND xã Tân Hiệp
12.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Hiệp
13	Xã Tân Quan	191	170	
13.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	21	-	UBND xã Tân Quan
13.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Quan
14	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	30	30	

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
IX	Huyện Đồng Phú	1.571	1.179	
1	Xã Tân Phước	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Phước
2	Xã Thuận Phú (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thuận Phú
3	Xã Thuận Lợi	100	100	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	100	UBND xã Thuận Lợi
4	Xã Đồng Tâm	100	65	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	65	UBND xã Đồng Tâm
5	Xã Tân Hưng	100	65	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	65	UBND xã Tân Hưng
6	Xã Tân Lợi	272	170	
6.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	102	-	UBND xã Tân Lợi
6.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Lợi
7	Xã Tân Hòa	100	74	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	74	UBND xã Tân Hòa
8	Xã Đồng Tiến	272	170	
8.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	102	-	UBND xã Đồng Tiến
8.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Đồng Tiến
9	Xã Tân Tiến (Dự kiến về đích năm 2016)	261	170	
9.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	91	-	UBND xã Tân Tiến
9.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Tân Tiến
10	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	25	25	Phòng NN&PTNT
X	Huyện Bù Đăng	2.912	3.569	
1	Xã Minh Hưng (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Minh Hưng
2	Xã Đức Liễu	170	170	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Đức Liễu
3	Xã Đường 10	150	150	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	150	UBND xã Đường 10
4	Xã Đăk Nhau	150	150	

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	150	UBND xã ĐakNhu
5	Xã Phú Sơn	150	180	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	180	UBND xã Phú Sơn
6	Xã Thọ Sơn	250	170	
6.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	80	-	UBND xã Thọ Sơn
6.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thọ Sơn
7	Xã Bình Minh	320	551	
7.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	381	UBND xã Bình Minh
7.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Bình Minh
8	Xã Bom Bo	320	398	
8.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	228	UBND xã Bom Bo
8.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Bom Bo
9	Xã Đoàn Kết	106	97	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	106	97	UBND xã Đoàn Kết
10	Xã Đồng Nai	306	286	
10.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	136	116	UBND xã Đồng Nai
10.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Đồng Nai
11	Xã Thống Nhất	320	633	
11.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	463	UBND xã Thống Nhất
11.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Thống Nhất
12	Xã Đăng Hà	150	150	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	150	UBND xã Đăng Hà
13	Xã Phước Sơn	150	165	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	150	165	UBND xã Phước Sơn
14	Xã Nghĩa Trung	170	269	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch		99	UBND xã Nghĩa Trung
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Nghĩa Trung
15	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	30	30	Phòng NN&PTNT
XI	Huyện Chơn Thành	1.029	535	
1	Xã Minh Hưng (Dự kiến về đích năm 2016)	170	170	

ST T	Danh mục	Kế hoạch đã giao tại QĐ 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Minh Hưng
2	Xã Thành Tâm	100	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	-	UBND xã Thành Tâm
3	Xã Minh Lập	270	170	
3.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	100	-	UBND xã Minh Lập
3.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Minh Lập
4	Xã Quang Minh	10	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	10	-	UBND xã Quang Minh
5	Xã Minh Long	284	170	
5.1	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	114	-	UBND xã Minh Long
5.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	170	170	UBND xã Minh Long
5.3	Xã Nha Bích	115	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	115	-	UBND xã Nha Bích
7	Xã Minh Thắng	54	-	
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	54	-	UBND xã Minh Thắng
8	Chi phí quản lý ban chỉ đạo	25	25	Phòng NN&PTNT
XII	Sở Nội vụ	-	1.000	
1	Bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2016		1.000	Sở Nội vụ
XII	Sở Nông nghiệp và PTNT (Thường trực ban chỉ đạo tỉnh)	699	699	
1	Đào tạo, tập huấn và tuyên truyền	549	549	Văn phòng Điều phối CTMTQG XDNTM tỉnh
2	Chi phí quản lý ban chỉ đạo tỉnh	150	150	Văn phòng Điều phối CTMTQG XDNTM tỉnh

* Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã thông báo kế hoạch vốn đến từng xã

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO CÁC XÃ NGHÈO ĐBKK; XÃ BIÊN GIỚI, CÁC THÔN ĐBKK THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2016



(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG:	23.040	23.040		
I	HUYỆN BÙ GIA MẬP	3.177	2.400		
1	Xã Đak Ô (xã ĐBKK, biên giới)	1.296	1.000		
	XD 08 phòng học trường Tiểu học Trương Định xã Đăk Ô	1.296	1.000	UBND xã Đak Ô	
2	Xã Bù Gia Mập (xã ĐBKK, biên giới)	981	-		
	XD công thôn Bù Dốt, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	981	-	UBND xã Bù Gia Mập	Xã hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016
3	Xã Bình Thắng	180	200		
	Sửa chữa đường GTNT thôn 9 xã Bình Thắng.	180	200	UBND xã Bình Thắng	
4	Xã Đức Hạnh	180	400		
	XD 01 phòng học Mẫu giáo thôn Bù Kroai xã Đức Hạnh	180	200	UBND xã Đức Hạnh	
	Sửa chữa đường GTNT thôn Sơn Trung	-	200	UBND xã Đức Hạnh	Thôn mới được bổ sung tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
5	Xã Phú Văn	180	400		

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Sửa chữa đường GTNT thôn Đăk Khâu, xã Phú Văn	180	200	UBND xã Phú Văn	
	Sửa chữa đường GTNT thôn Đăk Sơn 2, xã Phú Văn	-	200	UBND xã Phú Văn	Thôn mới được bổ sung tại Quyết định số 75/QĐ- UBND ngày 29/02/2016
6	Xã Phước Minh	360	400		
	Sửa chữa nhà Văn hóa cộng đồng thôn Bình Giai, xã Phước Minh	180	200	UBND xã Phước Minh	
	XD 02 phòng học trường tiểu học Lê Lợi thôn Bù Tam, xã Phước Minh	180	200	UBND xã Phước Minh	
II	HUYỆN PHÚ RIỀNG	720	1.200		
1	Xã Phú Riềng	180	200		
	XD đường GTNT thôn Phú Bình, xã Phú Riềng	180	200	UBND xã Phú Riềng	
2	Xã Long Tân	180	200		
	XD đường điện THT thôn 6 xã Long Tân	180	200	UBND xã Long Tân	
3	Xã Phú Trung	180	200		
	XD đường điện THT vào khu Suối Rạc thôn Phú Tiến, xã Phú Trung	180	200	UBND xã Phú Trung	
4	Xã Long Hà	180	600		
	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT thôn Bù Ka 1, xã Long Hà	180	200	UBND xã Long Hà	
	XD đường sỏi đỏ thôn Phú Mang 1, xã Long Hà	-	200	UBND xã Long Hà	Thôn mới được bổ sung tại Quyết định số 75/QĐ- UBND ngày 29/02/2016

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn Phú Mang 2, xã Long Hà	-	200	UBND xã Long Hà	Thôn mới được bổ sung tại Quyết định số 75/QĐ- UBND ngày 29/02/2016
III	HUYỆN HÓN QUẢN	1.719	1.839		
1	Xã An Khương (xã ĐBK)	999	1.000		
	TTKL hoàn thành đường GTNT từ ấp 3 đi ấp 7 xã An Khương, huyện Hón Quản	795	795	UBND xã An Khương	
	Nâng cấp, duy tu sửa chữa đường liên ấp 2,3,8 xã An Khương, huyện Hón Quản	204	205	UBND xã An Khương	
2	Xã Tân Hưng (1 ấp ĐBK, ấp Sóc Quả)	180	200		
	TTKL hoàn thành sửa chữa, nâng cấp đường bê tông ấp Sóc Ứng - Sóc Quả, xã Tân Hưng, dài 380m	180	200	UBND xã Tân Hưng	
3	Xã Thanh An	180	180		
	TTKL hoàn thành nâng cấp đường bê tông ấp Phum Lu, xã Thanh An, dài 396m (tuyến 2)	180	180	UBND xã Thanh An	Thôn hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 74/QĐ-UBND
4	Xã Phước An	360	459		
	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông ấp 23 Lớn nổi dài, xã Phước An, dài 300m	84	59	UBND xã Phước An	Thôn hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 74/QĐ-UBND
	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông ấp Tổng Cui Nhỏ nổi dài, xã Phước An, dài 300m	84	59	UBND xã Phước An	
	XD đường bê tông ấp Tổng Cui Nhỏ nổi dài ấp Sóc Lớn	192	141	UBND xã Phước An	

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	XD đường bê tông ấp Tổng Cui Lớn	-	200	UBND xã Phước An	Thôn mới được bổ sung tại Quyết định số 75/QĐ- UBND ngày 29/02/2016
IV	HUYỆN LỘC NINH	6.822	4.208		
1	Xã Lộc Quang (xã ĐBK)	1.044	1.000		
	TTKL hoàn thành 02 phòng học Trường Mẫu giáo Lộc Quang	550	543	UBND xã Lộc Quang	
	Đường dây trung hạ thế và TBA ấp Tam Nguyên, xã Lộc Quang	494	457	UBND xã Lộc Quang	
2	Xã Lộc Thành (xã ĐBK, xã Biên Giới)	1.107	1.000		
	TTKL hoàn thành đường GTNT từ UBND xã đi ấp Tà Tê 1, xã Lộc Thành	235	146	UBND xã Lộc Thành	
	XD đường nhựa ấp Tân Bình 2 đi Tà Tê 2 xã Lộc Thành	872	854	UBND xã Lộc Thành	
3	Xã Lộc Tấn (xã Biên giới)	846	282		
	TTKL hoàn thành nâng cấp đường GTNT ấp Thạnh Đông, Thạnh Tây + Bù Núi, xã Lộc Tấn	300	282	UBND xã Lộc Tấn	
	TTKL hoàn thành đường GTNT liên ấp Cây Chặt+Bù Núi A, Bù Núi B + Thạnh Tây xã Lộc Tấn	115	-	UBND xã Lộc Tấn	
	XD đường Bù Núi đi 32 hộ nông trang Phong Phú, xã Lộc Tấn	431	-	UBND xã Lộc Tấn	
	Nâng cấp sửa chữa đường ấp Bù Núi B	-	-		Hiện chỉ công nhận 1 thôn Bù Núi B được hưởng CT 135 tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
4	Xã Lộc Thịnh (xã Biên giới)	666	473		Xã hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016
	TTKL hoàn thành đường Sóc Me, ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh	250	246	UBND xã Lộc Thịnh	
	TTKL hoàn thành đường GTNT ấp Hưng Thịnh đi ấp Đồng Tâm xã Lộc Thịnh	240	227	UBND xã Lộc Thịnh	
	XD đường chợ ấp ấp Hưng Thủy đi cầu Cây Sung, xã Lộc Thịnh	176	-	UBND xã Lộc Thịnh	
5	Xã Lộc An (xã Biên giới)	711	-		Xã hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016
	TTKL hoàn thành công ấp 2, công tổ 1, tổ 3 ấp 3, sửa chữa đường tổ 2 ấp 4 và tổ 1, tổ 4 ấp K54 xã Lộc An	361	-	UBND xã Lộc An	
	TTKL hoàn thành đường giao thông tổ 2, tổ 2, tổ 4 ấp 9 xã Lộc An	350	-	UBND xã Lộc An	
6	Xã Lộc Thạnh (Xã Biên giới)	666	260		Xã hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016
	TTKL hoàn thành đường GTNT tổ 2 đi tổ 4 và tổ 3 đi tổ 4 ấp Thạnh Biên xã Lộc Thạnh	350	260	UBND xã Lộc Thạnh	
	Đường dây trung hạ thế và TBA ấp Thạnh Phú, xã Lộc Thạnh	316	-	UBND xã Lộc Thạnh	

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT ấp Bù Linh, xã Lộc Phú	180	200	UBND xã Lộc Phú	
V	HUYỆN BÙ ĐĂNG	2.439	2.400		
1	Xã Đak Nhau và Xã Đường 10 (xã ĐBK)	2.259	2.000		
	Sửa chữa và nâng cấp tuyến đường liên xã Đường 10 - Đak Nhau, huyện Bù Đăng	2.259	2.000	UBND huyện Bù Đăng	
2	Xã Phú Sơn (1 thôn ĐBK, thôn Sơn Tân)	180	200		
	Sửa chữa đường giao thông thôn Sơn Tân xã Phú Sơn	180	200	UBND xã Phú Sơn	
3	Xã Thống Nhất (1 thôn ĐBK)	-	200		
	Sửa chữa đường GTNT thôn 10, xã Thống Nhất	-	200	UBND xã Thống Nhất	Thôn mới được bổ sung tại Quyết định số 75/QĐ- UBND ngày 29/02/2016
VI	HUYỆN BÙ ĐÓP	4.752	4.938		
1	Xã Phước Thiện (xã ĐBK)	1.008	1.000		
	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT ấp Tân Hưng - Điện Ảnh, xã Phước Thiện	1.008	1.000	UBND xã Phước Thiện	
2	Xã Thanh Hòa	783	452		
	TTKL hoàn thành đường GTNT ấp 1, ấp 2, xã Thanh Hòa	783	452	UBND xã Thanh Hòa	Hiện chỉ công nhận 2 ấp, ấp 1 và ấp 2 được hưởng CT 135 tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
3	Xã Hưng Phước (Xã Biên giới)	729	1.129		
	TTKL hoàn thành đường GTNT ấp Cầu Khi ấp 4 xã Hưng Phước	729	729	UBND xã Hưng Phước	

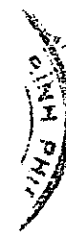
STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Sửa chữa đường GTNT ấp Phước Tiến, xã Hưng Phước	-	200	UBND xã Hưng Phước	Hiện chỉ công nhận 2 ấp (ấp Phước Tiến và ấp Bù Tam) được hưởng CT 135 tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày
	Sửa chữa đường GTNT ấp Bù Tam, xã Hưng Phước	-	200	UBND xã Hưng Phước	
4	Xã Tân Tiến (Xã Biên giới)	765	965		
	TTKL hoàn thành đường GTNT xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	765	765	UBND xã Tân Tiến	
	Sửa chữa đường GTNT ấp Sóc Nê, xã Tân Tiến	-	200	UBND xã Tân Tiến	Hiện chỉ công nhận 1 ấp Sóc Nê được hưởng CT 135 tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
5	Xã Thiện Hưng (Xã Biên giới)	792	992		
	TTKL hoàn thành đường nhựa liên thôn thôn 1, thôn 2, thôn 4 xã Thiện Hưng	792	792	UBND xã Thiện Hưng	
	Sửa chữa đường GTNT ấp Thiện Cư xã Thiện Hưng	-	200	UBND xã Thiện Hưng	Hiện chỉ công nhận 1 ấp Thiện Cư được hưởng CT 135 tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
6	Xã Tân Thành(Xã Biên giới)	675	400		Xã hoàn thành mục tiêu CT 135 theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016
	TTKL đường GTNT ấp Tân Định, xã Tân Thành	675	400	UBND xã Tân Thành	

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
VII	HUYỆN ĐỒNG PHÚ	2.871	2.200		
1	Xã Đồng Tâm (xã ĐBK)	1.098	1.000		
	TTKL hoàn thành sửa chữa tuyến đường liên xã Tân Phước - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	470	448	Phòng Dân tộc huyện Đồng Phú	
	Sửa chữa đường GTNT đoạn tiếp giáp ấp 1 sang ấp 2 xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	628	552	UBND xã Đồng Tâm	
2	Xã Tân Lợi (xã ĐBK)	1.053	1.000		
	TTKL đường điện THT và TBA khu định canh, định cư Chương trình 33 ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi	550	500	UBND xã Tân Lợi	
	Láng nhựa đường Trung tâm hành chính xã, từ ngã ba Đồng Bia đến cổng trường Mầm non Tân Lợi, xã Tân Lợi	503	500	UBND xã Tân Lợi	
3	Xã Tân Hòa	180	-		
	Sửa chữa đường giao thông ấp Đồng Tâm, xã Tân Hòa	180		UBND xã Tân Hòa	Ấp Đồng Tâm đã hoàn thành mục tiêu CT 135 tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
4	Xã Tân Hưng	180	-		
	Sửa chữa đường giao thông ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	180		UBND xã Tân Hưng	Ấp Suối Nhung đã hoàn thành mục tiêu CT 135 tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
3	Xã Tân Phước	360	200		

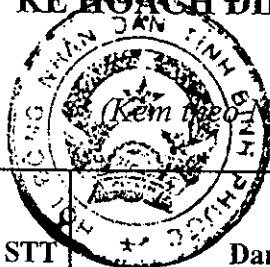
STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Sửa chữa đường GTNT ấp Lam Sơn và Ấp Nam Đô, xã Tân Phước	360	-	UBND xã Tân Phước	Ấp Nam Đô đã hoàn thành mục tiêu CT 135 tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
	Sửa chữa đường GTNT ấp Lam Sơn, xã Tân Phước	-	200	UBND xã Tân Phước	Hiện em công nhân tại ấp Lam Sơn được hưởng CT 135 tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016
VIII	THỊ XÃ BÌNH LONG	180	200		
1	Xã Thanh Lương	180	200		
	Sửa chữa đường giao thông ấp Cần Lê, xã Thanh Lương	180	-	UBND xã Thanh Lương	
	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa ấp Cần Lê		200	UBND xã Thanh Lương	
IX	HUYỆN CHƠN THÀNH	180	200		
1	Xã Quang Minh	180	200	UBND xã Quang Minh	
	Sửa chữa đường giao thông ấp Bàu Teng, xã Quang Minh	180	-		
	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Bàu Teng, xã Quang Minh	-	200		
X	THỊ XÃ PHƯỚC LONG	180	200		
1	Xã Long Giang	180	200		
	Sửa chữa đường giao thông thôn 7, xã Sơn Giang	180	200	UBND xã Long Giang	

STT	Danh mục công tình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
XI	PHẦN VỐN CÒN LẠI SẼ ĐƯỢC PHÂN BỐ KHI CÓ HƯỚNG DẪN CỦA TRUNG ƯƠNG	-	3.255		Giao Sở KH&ĐT phối với Ban Dân tộc tỉnh phân bổ chi tiết cho các xã khi có hướng dẫn của TW

Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã thông báo kế hoạch vốn cho UBND các xã và các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư.



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP CHO CÁC XÃ NGHÈO ĐBKK; XÃ BIÊN GIỚI, CÁC THÔN ĐBKK THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2016



(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG:	8.157	8.157		
A	DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT	6.705	4.300		
I	Huyện Bu Gia Mập	765	650		
1	Xã Đăk Ô (xã ĐBKK, biên giới)	270	300	UBND xã Đăk Ô	
2	Xã Bu Gia Mập (xã ĐBKK, biên giới)	270	-	UBND xã Bu Gia Mập	
3	Xã Bình Thắng (1 thôn ĐBKK thôn 9)	45	50	UBND xã Bình Thắng	
4	Xã Đức Hạnh (2 thôn ĐBKK thôn Bù Kroai, Sơn Trung)	45	100	UBND xã Đức Hạnh	
5	Xã Phú Văn (2 thôn ĐBKK thôn Đak Khâu, Đak Sơn 2)	45	100	UBND xã Phú Văn	
6	Xã Phước Minh (2 thôn ĐBKK, thôn Bình Giai và thôn Bù Tam)	90	100	UBND xã Phước Minh	
II	Huyện Phú Riềng	180	300		
1	Xã Phú Riềng (1 thôn ĐBKK, thôn Phú Bình)	45	50	UBND xã Phú Riềng	
2	Xã Long Tân (1 thôn ĐBKK, thôn 6)	45	50	UBND xã Long Tân	
3	Xã Phú Trung (1 thôn ĐBKK, thôn Phú Tiến)	45	50		
4	Xã Long Hà (3 thôn ĐBKK, thôn Bù Ka 1; Phú Mang 1, Phú Mang 2)	45	150	UBND xã Long Hà	
III	Huyện Hớn Quản	450	450		
1	Xã An Khương (xã ĐBKK)	270	300	UBND xã An Khương	
2	Xã Tân Hưng (1 ấp ĐBKK, ấp Sóc Quả)	45	50	UBND xã Tân Hưng	



STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
3	Xã Thanh An (01 thôn ĐBK, thôn Phum Lu)	45	-	UBND xã Thanh An	
4	Xã Phước An (2 ấp ĐBK, ấp Tổng Cui Nhỏ; Tổng Cui Lớn)	90	100	UBND xã Phước An	
IV	Huyện Lộc Ninh	2.250	800		
1	Xã Lộc Quang (xã ĐBK)	270	300	UBND xã Lộc Quang	
2	Xã Lộc Thành (xã ĐBK, xã Biên Giới)	270	300	UBND xã Lộc Thành	
3	Xã Lộc Tấn (ấp ĐBK Bù Núi B)	270	50	UBND xã Lộc Tấn	
4	Xã Lộc Thịnh (xã Biên giới)	270	-	UBND xã Lộc Thịnh	
5	Xã Lộc An (xã Biên giới)	270	-	UBND xã Lộc An	
6	Xã Lộc Thạnh (Xã Biên giới)	270	-	UBND xã Lộc Thạnh	
7	Xã Lộc Thiện (xã Biên giới)	270	-	UBND xã Lộc Thiện	
8	Xã Lộc Hòa (xã Biên giới)	270	-	UBND xã Lộc Hòa	
9	Xã Lộc Khánh (2 ấp ĐBK, ấp Ba Ven và ấp Chà Đôn)	45	100	UBND xã Lộc Khánh	
10	Xã Lộc Phú (1 ấp ĐBK, ấp Bù Linh)	45	50	UBND xã Lộc Phú	
V	Huyện Bù Đăng	585	700		
1	Xã Đak Nheu (xã ĐBK)	270	300	UBND xã Đak Nheu	
2	Xã Đường 10 (xã ĐBK)	270	300	UBND xã Đường 10	
3	Xã Phú Sơn (1 thôn ĐBK, thôn Sơn Tân)	45	50	UBND xã Phú Sơn	
4	Xã Thống Nhất (1 thôn ĐBK thôn 10)	-	50	UBND xã Thống Nhất	
VI	Huyện Bù Đốp	1.620	600		
1	Xã Phước Thiện (xã ĐBK)	270	300	UBND xã Phước Thiện	
2	Xã Thanh Hòa (02 ấp ĐK; ấp 1 và ấp 2)	270	100	UBND xã Thanh Hòa	

STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
3	Xã Hưng Phước (2 ấp ĐBKk ấp Phước Tiến và ấp Bù Tam)	270	100	UBND xã Hưng Phước	
4	Xã Tân Tiến (1 ấp ĐBKk, ấp Sóc Nê)	270	50	UBND xã Tân Tiến	
5	Xã Thiện Hưng (1 ấp ĐBKk ấp Thiện Cư)	270	50	UBND xã Thiện Hưng	
6	Xã Tân Thành (Xã Biên Giới)	270	-	UBND xã Tân Thành	
VII	Huyện Đồng Phú	720	650		
1	Xã Đồng Tâm (xã ĐBKk)	270	300	UBND xã Đồng Tâm	
2	Xã Tân Lợi (xã ĐBKk)	270	300	UBND xã Tân Lợi	
3	Xã Tân Hòa (01 ấp ĐBKk, ấp Đồng Tân)	45	-	UBND xã Tân Hòa	
4	Xã Tân Hưng (01 ấp ĐBKk, ấp Suối Nhung)	45	-	UBND xã Tân Hưng	
5	Xã Tân Phước (1 ấp ĐBKk, ấp Lam Sơn)	90	50	UBND xã Tân Phước	
VIII	Thị xã Bình Long	45	50		
1	Xã Thanh Lương (1 ấp ĐBKk, ấp Cần Lê)	45	50	UBND xã Thanh Lương	
IX	Huyện Chơn Thành	45	50		
1	Xã Quang Minh (1 ấp ĐBKk, ấp Bàu Teng)	45	50	UBND xã Quang Minh	
X	Thị xã Phước Long	45	50		
1	Xã Long Giang (1 thôn ĐBKk, thôn 7)	45	50	UBND xã Long Giang	
B	DỰ ÁN DUY TU BẢO DƯỠNG CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG SAU ĐẦU TƯ	1.452	1.452		
	Nâng cấp, duy tu sửa chữa đường liên ấp 2,3,8 xã An Khương, huyện Hớn Quản	1.452	1.452	UBND xã An Khương	
C	DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG CÁN BỘ CƠ SỞ (09 xã ĐBKk và 32 thôn, bản ĐBKk)	-	1.020	Ban Dân tộc tỉnh tổ chức thực hiện	



STT	Danh mục công trình dự án	Kế hoạch đã giao tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
D	PHẦN VỐN CÒN LẠI SẼ ĐƯỢC PHÂN BỐ KHI CÓ HƯỚNG DẪN CỦA TRUNG ƯƠNG	-	1.385		Giao Sở KH&ĐT phối hợp Ban Dân tộc tỉnh phân bổ chi tiết cho các xã khi có hướng dẫn của Trung ương

Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã thông báo kế hoạch vốn cho UBND các xã làm chủ đầu tư triển khai thực hiện

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016

Nguồn vốn : Trái phiếu Chính phủ

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng cộng	44.000		
I	Thị xã Đồng Xoài	3.500		
1	Xã Tân Thành	3.500	UBND xã Tân Thành	
II	Thị xã Bình Long	7.500		
1	Xã Thanh Lương	4.000	UBND xã Thanh Lương	
1	Xã Thanh Phú	3.500	UBND xã Thanh Phú	
III	Thị xã Phước Long	3.500		
1	Xã Long Giang	3.500	UBND xã Long Giang	
IV	Huyện Đồng Phú	7.000		
1	Xã Thuận Phú	3.500	UBND xã Thuận Phú	
1	Xã Tân Tiến	3.500	UBND xã Tân Tiến	
V	Huyện Chơn Thành	3.500		
1	Xã Minh Hưng	3.500	UBND xã Minh Hưng	
VI	Huyện Hớn Quản	4.000		
1	Xã Thanh Bình	4.000	UBND xã Thanh Bình	
VII	Huyện Bù Đăng	3.500		
1	Xã Minh Hưng	3.500	UBND xã Minh Hưng	
VIII	Huyện Lộc Ninh	3.500		
1	Xã Lộc Hưng	3.500	UBND xã Lộc Hưng	
IX	Huyện Bù Gia Mập	3.500		
1	Xã Phú Nghĩa	3.500	UBND xã Phú Nghĩa	
X	Huyện Phú Riềng	4.500		
1	Xã Bù Nho	4.500	UBND xã Bù Nho	

*Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã giao kế hoạch vốn chi tiết danh mục dự án đến từng xã